

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 23/2024/HC-ST

Ngày: 05-02-2024

*V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Kỳ;

Ông Phạm Văn Trinh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 180/2023/TLST-HC, ngày 13 tháng 11 năm 2023, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HC ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kim A, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu phố A, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Người bị kiện: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Thành L – Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Văn phòng Đ1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Việt H1, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kim A, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu phố A, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. Chi nhánh Văn phòng Đ1;

Người đại diện: Ông Phan Thành L – Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Văn phòng Đ1;

3. Ủy ban nhân dân thành phố P;

Tại phiên tòa có mặt bà Lê Thị Kim A; các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện là bà Huỳnh Thị Kim H, người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Kim A trình bày:

Bà Huỳnh Thị Kim H nhận chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 329, tờ bản đồ số 17, có diện tích 129,8m², tọa lạc tại thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 797075, ngày 03/02/2016, thông qua Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C công chứng vào ngày 28/9/2023; số công chứng 08362 quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngày 02/10/2023, bà H nộp hồ sơ đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên bà H theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã được công chứng, chứng thực. Đến ngày 06/10/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ1 ban hành Thông báo số 1510/TB-CNVPĐKĐĐ, với nội dung hoàn trả hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất cho bà H. Nhận thấy việc từ chối giải quyết hồ sơ đăng ký biến động nhận tặng cho phần quyền sử dụng đất của bà H là không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên bà H khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết hủy Thông báo số 1510/TB-CNVPĐKĐĐ, ngày 06/10/2023, của Chi nhánh Văn phòng Đ1, buộc Chi nhánh Văn phòng Đ1, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ1 có ý kiến tại Công văn số 11856/CNVPĐKĐĐPT-TTLLT ngày 05/12/2023 như sau:

Ngày 28/9/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ1 có tiếp nhận hồ sơ cập nhật chỉnh lý nhận tặng cho quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị Kim H tại biên nhận số 2023-15799/TNHS. Bà Huỳnh Thị Kim H nhận tặng cho phần quyền sử dụng đất từ ông Đỗ Việt H1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

số công chứng 08362, quyền số 09/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/9/2023 tại Văn phòng C, đối với thửa đất số 329, tờ bản đồ số 17, diện tích 129,8m² đất ở tại nông thôn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 797075 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 03/02/2016.

Tuy nhiên, qua rà soát hồ sơ thì thửa đất số 329, tờ bản đồ số 17 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 797075 có nguồn gốc do ông Trương Văn Đ chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở tại nông thôn đối với thửa đất số 281, tờ bản đồ số 17 tại giấy chứng nhận số BQ 387065 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 19/11/2015 theo Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố P nhưng không phù hợp quy hoạch sử dụng đất (quy hoạch là đất trồng cây hàng năm) theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tại Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh B. Do đó, Chi nhánh Văn phòng Đ1 thực hiện theo nội dung chỉ đạo tại Thông báo số 387/TB-UBND ngày 02/7/2020 của UBND thành phố P, ban hành công văn số 4046/CNVPĐKĐĐPT ngày 20/7/2020, xin ý kiến Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đối với các hồ sơ liên quan đến đất được chuyển mục đích trước đây chưa đảm bảo theo quy định.

Ngày 03/9/2020, Chi nhánh Văn phòng Đ1 nhận được Công văn phúc đáp số 1981/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 31/8/2020, của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, nội dung văn bản thể hiện: “Liên quan đến nội dung vướng mắc của Chi nhánh Văn phòng Đ1, UBND thành phố P đã có báo cáo số 275/BC-UBND, ngày 04/8/2020 báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện và khắc phục các sai phạm trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, trật tự xây dựng theo Kết luận Thanh tra số 1696KL-UBND, ngày 16/5/2019, của Chủ tịch UBND tỉnh B. Sau khi UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo liên quan đến các nội dung vướng mắc theo đề xuất của UBND thành phố P thì thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh”. Đồng thời ngày 22/3/2023, Chi nhánh Văn phòng có công văn số 2120/CNVPĐKĐĐPT, gửi Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B và UBND thành phố P, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo liên quan đến chuyển mục đích sai quy hoạch sử dụng đất theo Quyết định số 3200/QĐ-UBND, ngày 13/12/2013, của UBND tỉnh B (nằm ngoài danh sách 132 trường hợp).

Như vậy, căn cứ Công văn số 1981/VPĐKĐĐ-ĐKCG, ngày 31/8/2020, của Văn phòng Đ thì hiện nay vẫn chưa có ý kiến chỉ đạo giải quyết các trường hợp hồ sơ chuyển quyền nhưng thửa đất đã chuyển mục đích chưa đảm bảo theo quy định. Do đó, ngày 06/10/2023, Chi nhánh Văn phòng đã ban hành Thông báo số 1510/TB-CNVPĐKĐĐPT, về việc hoàn trả hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị Kim H. Đồng thời, Chi nhánh Văn phòng ban hành công văn số 9493/CNVPĐKĐĐPT ngày 06/10/2023 gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P để kiểm tra và có ý kiến đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất nêu trên. Sau khi các cấp có thẩm quyền có ý kiến chỉ đạo liên quan đến các nội dung vướng mắc của Chi nhánh V thì Chi nhánh Văn phòng Đ1 sẽ thông báo lại cho bà Huỳnh Thị Kim H được biết và phối hợp thực hiện giải quyết hồ sơ theo quy định.

Tại Công văn số 3305/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 22/12/2023, người bị kiện là Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B trình bày: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B thống nhất ý kiến tại Công văn số 11856/CNVPĐKĐĐPT-TTTLT ngày 05/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ1.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố P không có văn bản trình bày ý kiến và xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Tòa án xác định đúng đối tượng khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc khởi kiện của người khởi kiện là còn thời hiệu; TAND tỉnh Bình Thuận giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Xét thấy Thông báo số 1510/TB-CNVPĐKĐĐPT, ngày 06/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 về việc hoàn trả hồ sơ nhận chuyển quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị Kim H đối với tài sản là quyền sử dụng đất do được tặng cho hợp pháp từ người khác là không phù hợp và không có căn cứ pháp luật; Việc ban hành văn bản nêu trên đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, Tuyên:

Hủy Thông báo số 1510/TB-CNVPĐKĐĐPT của Chi nhánh Văn phòng Đ1;

Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B và Chi nhánh văn phòng Đ1 thực

hiện nhiệm vụ, công vụ về giải quyết hồ sơ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị Kim H theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt Ủy ban nhân dân thành phố P, vắng mặt Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, vắng mặt Chi nhánh Văn phòng Đ1 nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 157 và Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng quy định.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hủy Thông báo số 1510/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 06/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 về việc hoàn trả hồ sơ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị Kim H; Xét thấy Thông báo số 1510/TB-CNVPĐKĐĐPT của Chi nhánh Văn phòng Đ1 có nội dung dừng giải quyết và trả hồ sơ nhận chuyển nhượng đất của bà H, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự nên được xác định là quyết định hành chính bị kiện. Như vậy đối tượng khởi kiện là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng hành chính thì khiếu kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Bình Thuận.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 06/10/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ1 ban hành Thông báo số 1510/TB-CNVPĐKĐĐPT. Ngày 16/10/2023, bà H khởi kiện đối với thông báo trên là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số CC 797075 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 03/02/2016 và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất do ông Đỗ Việt H1 và bà Huỳnh Thị Kim H xác lập, được Văn phòng C chứng nhận ngày 28/9/2023 thì có căn cứ xác định thửa đất số 329, tờ bản đồ số 17, diện tích 129,8 m² đất ở tại nông thôn theo giấy chứng nhận QSDĐ số CC 797075 là thuộc quyền sử dụng chung của ông H1 và bà H.

Việc tặng cho phần quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Việt H1 và bà Huỳnh Thị Kim H được các bên thực hiện đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp

luật. Sau khi ký hợp đồng tặng cho, bà H đã kê khai đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai và nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đ1 để thực hiện thủ tục đăng ký cập nhật biến động thửa đất nêu trên. Ngày 06/10/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ1 ban hành Thông báo số 1510/TB-CNVPĐKĐĐPT về việc thông báo hoàn trả hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất cho bà H, trong đó có nội dung tạm ngưng việc giải quyết hồ sơ chuyển quyền QSDĐ nêu trên với lý do *“Phân diện tích đất ở tại nông thôn của bà có nguồn gốc chuyển mục đích sử dụng đất nhưng không phù hợp quy hoạch theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tại quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh B đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt”*, phải chờ ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố P.

Xét thấy, trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính về cấp mới, cấp đổi và chuyển quyền sử dụng đất thì ngày 20/7/2020, Chi nhánh Văn phòng Đ1 đã ban hành Văn bản số 4046/CNVPĐKĐĐPT báo cáo về sai sót trong việc cho chuyển mục đích đất ở trên địa bàn thành phố P không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh B, kèm theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 nhưng đến nay UBND thành phố P vẫn không có ý kiến về việc xử lý các sai sót trong việc cho chuyển mục đích đất ở mà Chi nhánh Văn phòng Đ1 đã kiến nghị.

Theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai năm 2013, quy định về đình chính, thu hồi giấy chứng nhận đã cấp như sau:

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận có trách nhiệm đình chính giấy chứng nhận đã cấp có sai sót trong các trường hợp sau đây:

a) Có sai sót thông tin về tên gọi, giấy tờ pháp nhân hoặc nhân thân, địa chỉ của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất so với giấy tờ pháp nhân hoặc nhân thân tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận của người đó;

b) Có sai sót thông tin về thửa đất, tài sản gắn liền với đất so với hồ sơ kê khai đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đã được cơ quan đăng ký đất đai kiểm tra xác nhận.

2. Nhà nước thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất trên Giấy chứng nhận đã cấp;

b) Cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp;

c) Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà phải cấp mới giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng

sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.

- Khoản 1 Điều 167 và khoản 1 Điều 168 Luật đất đai, quy định: *Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất, ... khi có giấy chứng nhận...; Trường hợp người sử dụng đất được chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ nghĩa vụ tài chính thì phải thực hiện xong nghĩa vụ tài chính trước khi thực hiện các quyền.*

- Khoản 1 Điều 188 Luật đất đai, quy định người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất khi có các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 186 và trường hợp nhận thừa kế quy định tại khoản 1 Điều 168 của Luật này;

b) Đất không có tranh chấp;

c) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

d) Trong thời hạn sử dụng đất.

- Khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014 như sau:

b) Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì kiểm tra lại, thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do và quyết định thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định;

c) Trường hợp người sử dụng đất phát hiện giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì gửi kiến nghị bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có trách nhiệm kiểm tra, xem xét quyết định thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Căn cứ vào các quy định pháp luật viện dẫn nêu trên, thấy rằng: Bà H nhận chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 329 nêu trên là đúng quy định tại

khoản 1 Điều 167, khoản 1 Điều 168, điểm b khoản 1 Điều 169, khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Hơn nữa, việc nhận chuyển quyền sử dụng thửa đất nêu trên không làm thay đổi hiện trạng, diện tích, mục đích sử dụng đất. Do đó, việc Chi nhánh Văn phòng Đ1 là cơ quan trực thuộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B không thực hiện thủ tục hành chính giải quyết hồ sơ nhận chuyển quyền sử dụng đất của bà H là trái quy định pháp luật. Đồng thời, ban hành Thông báo số 1510/TB-CNVPĐKĐĐPT về việc thông báo hoàn trả hồ sơ nhận chuyển quyền sử dụng đất của bà H là không có căn cứ pháp luật và đã ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người nhận chuyển quyền sử dụng đất nên cần tuyên hủy là phù hợp.

Từ nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Khoản 7 Điều 22, điểm c khoản 1 Điều 99, Điều 106, khoản 1 Điều 167, khoản 1 Điều 168, khoản 1 Điều 188 Luật đất đai; Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014;

Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Huỳnh Thị Kim H.

- Hủy Thông báo số 1510/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 06/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ1.

- Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B và Chi nhánh Văn phòng Đ1 thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm:

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Kim H 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000007 ngày 13/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, THC, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hiệu